

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16-7-2021

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thay; bà Nguyễn Thị Tuyết Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 743/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1996; cư trú tại: Số 206, đường TĐ, tổ 17, khóm VC, thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn S, sinh năm 1994; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 11 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc G trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã SD, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vào năm 2014. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh S trong thời gian đầu chung sống thì hạnh phúc bình thường nhưng khoảng 02 năm trở lại đây thì mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Do thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bòn phận người đó, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã trầm trọng nên chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh S.

- Về con chung: Chị và anh S chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 06-3-2013, Nguyễn Thành T, sinh ngày 21-11-2018. Hiện tại cháu NY đang sống cùng với anh S và ông bà nội tại tỉnh Tây Ninh; còn cháu T đang sống cùng với chị và ông bà ngoại tại tỉnh An Giang. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu T, đồng ý để anh S trực tiếp nuôi con chung là cháu NY. Do mỗi người nuôi một con chung nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17 tháng 12 năm 2020, bị đơn anh Nguyễn Tấn S trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị G về quan hệ hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn như chị G trình bày. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn do anh còn thương vợ.

- Về con chung: Anh và chị G chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 06-3-2013, Nguyễn Thành T, sinh ngày 21-11-2018 như chị G trình bày. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị G được nuôi con chung là cháu T, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung là cháu NY. Do mỗi người nuôi một con chung nên anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Tấn S đã được tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị G là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Tấn S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị G, anh S.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ngọc G đối với anh Nguyễn Tấn S; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc NY cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao con chung là cháu Nguyễn Thành T cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Do mỗi người nuôi một con chung nên ghi nhận anh chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc G và anh Nguyễn Tấn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị G có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị G:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị G, anh S có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu năm 2014, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị G và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị G trình bày vào năm 2012, chị tự nguyện sống vợ chồng với anh S, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn; chị G và anh S đã sống ly thân được khoảng hơn 01 năm đến nay. Qua xác minh cha mẹ ruột của anh S (bút lục 24) về tình trạng hôn nhân thể hiện: “Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 01 năm đến nay. Chị G về nhà cha mẹ để sống và mang theo cháu Nguyễn Thành T”. Xét thấy, hôn nhân giữa chị G và anh S đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị G có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị G và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 06-3-2013, Nguyễn Thành T, sinh ngày 21-11-2018. Hiện tại cháu Nguyễn Thành T đang chung cùng với chị G. Cháu Nguyễn Ngọc NY đang sống cùng anh T và ông bà nội. Mặt khác, anh S và chị G đã sống ly thân hơn một năm nay. Tại bản tự khai của anh S (bút lục 24) thì nếu ly hôn anh S có nguyện vọng nuôi cháu NY. Trong quá trình giải quyết vụ án chị G có nguyện vọng nuôi cháu T. Xét thấy thỏa thuận về nguyện vọng nuôi con chung của anh S và chị S là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị G và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị Ngọc G và anh Nguyễn Tấn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị G và anh S không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc G phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc G. Cho chị Trần Thị Ngọc G được ly hôn với anh Nguyễn Tấn S.

2. Về con chung: Chị G và anh S có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc NY, sinh ngày 06-3-2013, Nguyễn Thành T, sinh ngày 21-11-2018. Giao cháu Nguyễn Thành T cho chị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Ngọc NY cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị G, anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Trần Thị Ngọc G, anh Nguyễn Tấn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Ghi nhận chị Trần Thị Ngọc G, anh Nguyễn Tấn S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc G phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Hoàng đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001422 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho anh Nguyễn Tấn S và chị Trần Thị Ngọc G biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Hội, H. Tân Châu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn